

Số: 302 /KH-UBND

Hướng Hiệp, ngày 01 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH

Phát triển kinh tế số và xã hội số xã Hướng Hiệp giai đoạn 2026 - 2030

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 09-KH/TU ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 10/12/2025 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên cả 3 trụ cột là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số;

Căn cứ Kế hoạch số 635/KH-UBND ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ;

Kế hoạch số 687/KH-UBND ngày 26/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về triển khai thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên cả 3 trụ cột là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số

Căn cứ Chương trình hành động số 11-CTr/ĐU ngày 03/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Hướng Hiệp;

Căn cứ Kế hoạch số 35-KH/ĐU, ngày 09/01/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về thực hiện Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 10/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên cả 3 trụ cột là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số;

Căn cứ Kế hoạch số 3472/KH-UBND ngày 15/7/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 07/8/2026 của UBND xã về Chuyển đổi số xã Hướng Hiệp giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 27/8/2026 của UBND xã về phát triển hạ tầng số giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Hướng Hiệp;

Ủy ban nhân dân xã Hướng Hiệp ban hành Kế hoạch Phát triển kinh tế số và xã hội số xã Hướng Hiệp giai đoạn 2026-2030 với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế số, xã hội số phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; tạo chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh và Nhân dân trên địa bàn xã về vai trò của chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh, thương mại, dịch vụ, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm, nhất là sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP của địa phương.

- Nâng cao khả năng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số thiết yếu; nâng cao kỹ năng số, khả năng khai thác thông tin và sử dụng các nền tảng số trong học tập, lao động, sản xuất, khám chữa bệnh, an sinh xã hội, giao tiếp và giải quyết thủ tục hành chính.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai kế hoạch phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số của tỉnh, quan điểm chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy xã và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, các tổ chức chính trị - xã hội, Tổ công nghệ số cộng đồng, doanh nghiệp và người dân trong tổ chức thực hiện kế hoạch.

- Ưu tiên sử dụng các nền tảng số, cơ sở dữ liệu và hệ thống dùng chung của Trung ương, của tỉnh; không đầu tư trùng lặp.

- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền lợi hợp pháp của người dân trong quá trình cung cấp, sử dụng các dịch vụ và nền tảng số.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2030, xây dựng và phát triển kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng mới; xây dựng xã hội số toàn diện, bao trùm trên địa bàn xã; mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ số an toàn, thuận tiện; người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số; doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh

doanh ứng dụng nền tảng số trong quản trị, quảng bá, bán hàng và thanh toán; các lĩnh vực nông nghiệp, y tế, giáo dục, văn hóa, du lịch và phòng, chống thiên tai được hỗ trợ bằng dữ liệu và công nghệ số.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Kinh tế số

- Tốc độ tăng tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn bình quân hằng năm đạt 8%;
- Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn xã bình quân hằng năm đạt 10 - 11%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số đạt trên 30%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trên 35%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%.

2.2. Xã hội số

- Tỷ lệ hộ gia đình được tiếp cận mạng Internet băng rộng cáp quang với tốc độ 1 Gb/s đạt 100%;
- Mạng băng rộng di động 5G đạt tốc độ tối thiểu 100 Mb/s, phủ sóng 95% dân số;
- 100% công dân từ 14 tuổi trở lên và đủ điều kiện có căn cước, tài khoản định danh điện tử;
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 70%;
- Tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt tối thiểu 50%;
- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt tối thiểu 85%;
- Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông đạt tối thiểu 85%;
- 100% người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số; Phổ cập nền tảng truyền hình số quốc gia tới 100% hộ gia đình có kết nối Internet;
- Bảo đảm mọi đối tượng người dân đều có cơ hội tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ số;
- Bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an ninh mạng cho người dân, doanh nghiệp khi tham gia vào giao dịch điện tử, dịch vụ số;
- Thúc đẩy hành vi và văn hóa ứng xử có trách nhiệm trên môi trường số.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Phát triển hạ tầng số

Phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, an toàn, bảo đảm nền tảng kỹ thuật phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu, vận hành chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn xã, tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông rà soát, nâng cao chất lượng hạ tầng mạng băng rộng cố định và di động; kịp thời đề xuất khắc phục tình trạng lùm sóng (một số khu vực), chất lượng phủ sóng chưa đáp ứng yêu cầu.

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông tiếp tục phát triển và phủ sóng mạng băng rộng di động 5G trên địa bàn xã, nâng cao chất lượng đường truyền. Phân đầu đến năm 2030, tỷ lệ phủ sóng mạng băng rộng di động 5G đạt 95% dân số. Bảo đảm năng lực, sẵn sàng triển khai thử nghiệm mạng di động 6G.

- Duy trì Mạng truyền số liệu chuyên dùng; sử dụng, khai thác các nền tảng số dùng chung nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí.

- Rà soát, đề xuất đầu tư, nâng cấp hạ tầng mạng nội bộ (LAN), các phần mềm ứng dụng đảm bảo tương thích toàn diện để triển khai chuyển đổi IPv6/IPv6 Only theo lộ trình của tỉnh; đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin tại UBND xã, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Trạm y tế, các đơn vị trường học nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác, học tập và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

- Duy trì hệ thống đường truyền Internet tại Nhà sinh hoạt cộng đồng các thôn; nghiên cứu xây dựng các điểm hỗ trợ chuyển đổi số tại các thôn khó khăn, xa trung tâm xã tạo điều kiện cho người dân tiếp cận và sử dụng công nghệ số nhằm giảm khoảng cách số giữa các thôn trong xã.

2. Phát triển nền tảng số

- Khai thác hiệu quả các nền tảng số dùng chung của Trung ương, của tỉnh và các bộ, ngành phục vụ hoạt động quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ công và phát triển kinh tế - xã hội; ưu tiên sử dụng các nền tảng đã được đầu tư, tránh đầu tư trùng lặp, manh mún.

- Tích cực ứng dụng nền tảng số phục vụ kinh tế số, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân đưa sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP của địa phương lên các sàn thương mại điện tử; đẩy mạnh quảng bá, truy xuất nguồn gốc, thanh toán không dùng tiền mặt và tiêu thụ sản phẩm trên môi trường số.

- Phổ cập các nền tảng số thiết yếu đến người dân, trong đó ưu tiên về định danh điện tử, dịch vụ công trực tuyến, y tế, giáo dục, an sinh xã hội, thanh toán số; phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng các nền tảng số ưu tiên các đối tượng yếu thế, các hộ gia đình còn hạn chế về kỹ năng số.

- Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của các nền tảng thông tin, truyền thông số của xã như Trang thông tin điện tử, hệ thống đài truyền thanh và các trang mạng xã hội chính thống của xã, của cơ quan, đơn vị để cung cấp thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận dịch vụ số và phát triển kinh tế số.

- Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong quá trình khai thác, sử dụng nền tảng số, nâng cao nhận thức về bảo vệ dữ liệu cá nhân, phòng ngừa lừa đảo

trực tuyến; thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc sử dụng các nền tảng số và kịp thời xử lý các nguy cơ mất an toàn thông tin.

3. Phát triển dữ liệu số

- Khai thác và sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu dùng chung của Trung ương, tỉnh và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ quản lý, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ số cho người dân, doanh nghiệp.

- Thường xuyên rà soát, chuẩn hóa, làm sạch và cập nhật dữ liệu thuộc phạm vi của xã bảo đảm dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động làm sạch dữ liệu về dân cư, đất đai, giáo dục, y tế, phục vụ tái sử dụng trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công và hoạch định chính sách.

- Tăng cường đảm bảo an toàn dữ liệu trong quá trình khai thác và sử dụng, thực hiện phân quyền, giám sát, sao lưu, lưu trữ, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu đúng quy định, đảm bảo an toàn thông tin mạng.

4. Thúc đẩy ứng dụng Trí tuệ nhân tạo

- Từng bước ứng dụng AI trong quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh, giáo dục và tuyên truyền phù hợp với điều kiện thực tế của xã Ba Lòng; ưu tiên các công cụ đơn giản, dễ sử dụng, chi phí thấp để hỗ trợ cán bộ trong tổng hợp, báo cáo, xây dựng nội dung và nâng cao hiệu quả công việc.

- Hỗ trợ hợp tác xã, hộ kinh doanh và các chủ thể sản phẩm địa phương ứng dụng AI trong quảng bá, thiết kế nội dung, bán hàng, chăm sóc khách hàng và phân tích thị trường; khuyến khích thử nghiệm AI trong sản xuất nông nghiệp ở những mô hình có điều kiện.

- Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng AI an toàn, có trách nhiệm, đồng thời lựa chọn, xây dựng và nhân rộng một số mô hình ứng dụng AI thiết thực, hiệu quả trên địa bàn xã.

5. An toàn thông tin, an ninh mạng

- Tăng cường bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước; thường xuyên thay đổi mật khẩu, sử dụng xác thực đa yếu tố, sao lưu dữ liệu; rà soát mã độc, các lỗ hổng, trang thiết bị không bảo đảm an toàn; thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ dữ liệu, bảo mật thông tin và an toàn hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến kiến thức về an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân; nhận diện các cuộc gọi, tin nhắn, đường link và thủ đoạn lừa đảo trực tuyến trên không gian mạng; hướng dẫn nhận diện, phòng tránh lừa đảo trực tuyến, tin giả, mã độc, thông tin xấu độc và các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng.

- Gắn bảo đảm an toàn thông tin với phát triển dữ liệu số, nền tảng số và dịch vụ số, bảo đảm dữ liệu cá nhân và thông tin của tổ chức, cá nhân được quản lý, khai thác đúng thẩm quyền; nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức trong bảo vệ thông tin và dữ liệu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

6. Phát triển nguồn nhân lực số

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số phù hợp theo từng nhóm đối tượng: Đào tạo kỹ năng số cho 100% cán bộ, công chức, viên chức trong đó tối thiểu 30% được đào tạo chuyên sâu về quản trị dữ liệu, AI, an toàn thông tin, khai thác nền tảng số và hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; đối với Tổ Công nghệ số cộng đồng tập trung vào kỹ năng tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng số thiết yếu; đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tập trung vào ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh, quảng bá và tiêu thụ hàng hoá trên không gian mạng, đẩy mạnh phương thức quản trị số và thanh toán số.

- Khuyến khích lực lượng trẻ và nhân lực tại chỗ tham gia chuyển đổi số. Gắn nội dung chuyển đổi số với hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, xem đây là nhiệm vụ thường xuyên trong phong trào “Chuyển đổi số - nhanh hơn, hiệu quả hơn, gần dân hơn.”

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, đoàn viên, hội viên có khả năng trở thành lực lượng hỗ trợ kỹ thuật số tại cộng đồng; từng bước hình thành mạng lưới “hạt nhân số” tại các thôn.

7. Phát triển công dân số

- Phát triển công dân số và văn hóa số làm nền tảng xã hội số an toàn, lành mạnh và bao trùm. Hình thành công dân số với định danh điện tử, năng lực số an toàn, có trách nhiệm.

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ về định danh điện tử; Nâng cao nhận thức và phổ cập kỹ năng số cho người dân; hỗ trợ người dân kích hoạt, sử dụng và tiếp cận các tiện ích được cung cấp trên nền tảng định danh điện tử VNeID.

- Đẩy mạnh sử dụng định danh điện tử và các dịch vụ số thiết yếu, hướng dẫn người dân sử dụng tài khoản định danh điện tử, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các tiện ích số trong y tế, giáo dục, an sinh xã hội, giao dịch hành chính và đời sống.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”; tiếp tục duy trì và phát triển Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 tại các thôn chuyên trọng tâm từ số lượng sang chất lượng hoạt động và kỹ năng thực hành.

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, đoàn viên, thanh niên và các lực lượng tại cơ sở trong tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ trực tiếp người dân tiếp cận và sử dụng công nghệ số; duy trì các hoạt động phổ cập kỹ năng số theo phương châm “cầm tay chỉ việc”, phù hợp với từng nhóm đối tượng.

- Từng bước hình thành cộng đồng số tại các thôn, khuyến khích người dân tham gia các nhóm thông tin cộng đồng, sử dụng các nền tảng số để tương tác, trao đổi thông tin và tiếp cận các dịch vụ thiết yếu; gắn phát triển công dân số với xây dựng đời sống văn hóa, nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

8. Phát triển kinh tế số và xã hội số một số ngành lĩnh vực

8.1. Ngành nông nghiệp

- Khuyến khích các hộ sản xuất, hợp tác xã, tổ hợp tác ứng dụng công nghệ số, nền tảng số trong quản lý và tổ chức sản xuất, theo dõi mùa vụ, quản lý vùng sản xuất, sản lượng, chất lượng, quảng bá và kết nối tiêu thụ sản phẩm.

- Từng bước thực hiện đăng ký mã số vùng trồng, mã số vùng nguyên liệu, truy xuất nguồn gốc, mã QR và nhật ký điện tử đối với những sản phẩm có điều kiện, sản phẩm OCOP và sản phẩm đặc trưng của địa phương.

- Ứng dụng nhật ký sản xuất điện tử, bản đồ vùng sản xuất, dữ liệu thời tiết, cảnh báo thiên tai, dịch bệnh và công cụ AI phù hợp trong sản xuất nông nghiệp.

- Đối với các mô hình sản xuất có điều kiện về quy mô và nguồn lực, khuyến khích ứng dụng cảm biến, IoT, thiết bị đo môi trường, tưới tiêu thông minh hoặc các giải pháp AI để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất.

8.2. Phát triển thương mại điện tử và doanh nghiệp số

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và các chủ thể sản xuất trên địa bàn từng bước chuyển đổi từ phương thức truyền thống sang mô hình quản trị và kinh doanh trên môi trường số.

- Khuyến khích đưa sản phẩm OCOP của địa phương tham gia sàn buudien.vn. Hợp tác với doanh nghiệp viễn thông VNPT, Viettel, Mobifone... triển khai chương trình “Doanh nghiệp số địa phương”. Xây dựng, triển khai kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số.

- Đẩy mạnh thanh toán điện tử trong lĩnh vực giáo dục, y tế, du lịch và dịch vụ công. Xây dựng mô hình “Chợ số”, “Thôn số”, “Doanh nghiệp số”, “Hợp tác xã số”. Khuyến khích doanh nghiệp sử dụng nền tảng điện toán đám mây, chữ ký điện tử, hóa đơn điện tử.

- Triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã, tổ hợp tác chuyển đổi số. Triển khai chương trình, kế hoạch đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, du lịch... như: phát triển hệ thống y tế thông minh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và tích hợp, liên thông dữ liệu nhằm nâng cao hiệu quả, tính kịp thời và chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân; phát triển giáo dục thông minh, thúc đẩy việc ứng dụng, sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến, trí tuệ nhân tạo nhằm hỗ trợ đổi mới phương thức dạy và học; ứng dụng các giải pháp công nghệ số thân thiện môi trường; công nghệ số nâng cao hiệu quả giám sát môi trường, dự báo và quản lý rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu.

8.3. Phát triển du lịch số

- Tổ chức rà soát, thu thập và số hóa các thông tin về di tích lịch sử, di sản văn hóa, cảnh quan, địa danh, di tích, lễ hội truyền thống và các giá trị văn hóa tiêu biểu, đặc trưng của địa phương phục vụ công tác bảo tồn và quảng bá văn hóa.

- Xây dựng kho dữ liệu hình ảnh, video, bài viết và tư liệu số để phục vụ tuyên truyền, giáo dục truyền thống và quảng bá hình ảnh, con người địa phương.

- Khai thác hiệu quả nền tảng số để quảng bá về mảnh đất, con người, ẩm thực, các sản phẩm đặc trưng, địa điểm du lịch tiềm năng của địa phương.

- Kết hợp quảng bá văn hóa, du lịch với quảng bá sản phẩm địa phương, góp phần hình thành hệ sinh thái “văn hóa số - du lịch số - sản phẩm số” của xã Hướng Hiệp.

8.4. Phát triển giáo dục số

- Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, hình thành hệ sinh thái giáo dục số kết nối học sinh, gia đình, nhà trường và cơ quan quản lý. Xây dựng cơ sở dữ liệu giáo dục, hồ sơ học tập số, học bạ số, quản lý văn bằng gắn với định danh cá nhân và liên thông dữ liệu quốc gia.

- Tăng cường trang bị kỹ năng số cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh; khuyến khích khai thác kho học liệu số, học liệu mở, tài nguyên giáo dục số và các nền tảng học tập số phù hợp.

- Từng bước xây dựng, số hóa và chia sẻ nguồn học liệu số, tài liệu tham khảo, tài nguyên giáo dục phù hợp với điều kiện của các trường học trên địa bàn.

- Đẩy mạnh ứng dụng AI trong dạy học, kiểm tra, đánh giá và cá nhân hóa học tập. Phổ cập năng lực số STEM/STEAM, AI, Robot; xây dựng môi trường học tập số an toàn, nâng cao năng lực số cho giáo viên và nhân rộng lớp học thông minh, trường học thông minh.

8.5. Phát triển y tế số

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân, khai thác hiệu quả các nền tảng, cơ sở dữ liệu y tế dùng chung; thực hiện cập nhật, quản lý thông tin sức khỏe người dân theo quy định, góp phần nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và quản lý sức khỏe tại địa phương.

- Tăng cường số hóa và quản lý hồ sơ, dữ liệu y tế, bảo đảm dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời; từng bước kết nối, chia sẻ dữ liệu theo các hệ thống dùng chung của ngành y tế, hạn chế việc cung cấp lại thông tin đã có.

- Đẩy mạnh tuyên truyền và hướng dẫn người dân tích hợp sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID; Triển khai sổ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, đơn thuốc điện tử gắn với định danh điện tử của người dân.

- Tăng cường đào tạo nhân lực y tế số, thúc đẩy ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các công nghệ số tiên tiến trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc sức khỏe người dân và quản lý y tế, bảo hiểm.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành; được lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Khuyến khích huy động các nguồn lực xã hội hóa từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ hạ tầng, trang thiết bị, đào tạo kỹ năng số, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, truyền thông và triển khai các nền tảng số, các mô hình phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn xã theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Là cơ quan đầu mối tham mưu UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn xã.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, ứng dụng công nghệ số trong cán bộ và Nhân dân trên địa bàn xã; triển khai các mô hình số phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân trên địa bàn xã.

- Định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, tham mưu UBND xã báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Công an xã

- Chủ trì triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06, định danh điện tử; Khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ quản lý nhà nước theo quy định.

- Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ và Nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an toàn thông tin; chủ động phòng ngừa, phát hiện và phối hợp xử lý các hành vi lừa đảo, tội phạm và vi phạm pháp luật trên không gian mạng.

- Chủ trì triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật Nhà nước trên môi trường số trên địa bàn xã.

3. Phòng Kinh tế

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp dự toán kinh phí, tham mưu UBND xã bố trí, lồng ghép các nguồn lực thực hiện Kế hoạch này theo quy định của pháp luật và theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của xã; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí đúng theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế số, nông nghiệp số, thương mại điện tử, hợp tác xã số, hộ kinh doanh số, sản phẩm số và các mô hình ứng dụng công nghệ trong sản xuất, kinh doanh.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất hỗ trợ quảng bá, tiêu thụ sản phẩm địa phương trên môi trường số.

5. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về phát triển kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số trên Trang thông tin điện tử, hệ thống đài truyền thanh, các trang mạng xã hội và kênh thông tin số chính thống của xã bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, nội dung ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với từng nhóm đối tượng. Trong đó, tập trung tuyên truyền các nội dung về định danh điện tử VNeID, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử, kỹ năng số, an toàn thông tin và phòng tránh lừa đảo trên không gian mạng.

6. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn để triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế số, xã hội số hằng năm, giai đoạn 2026-2030 của cơ quan, đơn vị; đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí, hỗ trợ nguồn vốn, kinh phí để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch này và chịu trách nhiệm trước UBND xã về kết quả phát triển kinh tế số và xã hội số của cơ quan, đơn vị mình.

- Phối hợp chặt chẽ với Phòng Văn hóa - Xã hội và các sở, ban, ngành liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án của cơ quan, đơn vị được giao phụ trách bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng quy định.

- Định kỳ hằng năm, các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ về UBND xã (*qua Phòng Văn hóa - Xã hội*) trước ngày 09/12; UBND xã tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (*về Sở Khoa học và Công nghệ*) trước ngày 15/12 theo quy định.

7. Đề nghị UBMTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân sử dụng các ứng dụng số, các dịch vụ thanh toán điện tử, thương mại điện tử, dịch vụ công trực tuyến, hệ thống tương tác giữa chính quyền và người dân, tích cực hưởng ứng tham gia công cuộc chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan phát động phong trào chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong đoàn viên, thanh niên, đặc biệt là ứng dụng công nghệ số trong học tập, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và khởi nghiệp.

- Phát huy tối đa vai trò nòng cốt, xung kích của lực lượng đoàn viên, hội viên (*đặc biệt là lực lượng Đoàn viên Thanh niên*) trong việc hỗ trợ, hướng dẫn người dân tiếp cận và sử dụng các ứng dụng số.

8. Các doanh nghiệp Viễn thông, ngân hàng trên địa bàn xã

- Các doanh nghiệp viễn thông tiếp tục phát triển, bảo đảm hạ tầng viễn thông, internet, 4G/5G, cáp quang và các nền tảng số; ưu tiên khắc phục một số khu vực còn lờm sóng, sóng yếu; tích cực tham gia các hoạt động phối hợp ứng cứu, khắc phục hậu quả sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn xã; phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ năng số cho CBCCVC và người dân; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân tiếp cận các giải pháp

thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, truy xuất nguồn gốc và quảng bá sản phẩm trên môi trường số.

9. Các thôn trên địa bàn xã

- Căn cứ Kế hoạch của UBND xã, chủ động xây dựng nội dung triển khai phù hợp với điều kiện thực tế của từng thôn; xác định những nhiệm vụ thiết thực, dễ thực hiện và mang lại lợi ích trực tiếp cho người dân.

- Phát huy vai trò nòng cốt của Tổ công nghệ số cộng đồng trong việc tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số thiết yếu. Trực tiếp bám nắm địa bàn, thực hiện phương châm "đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người" để hướng dẫn người dân sử dụng định danh điện tử, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các ứng dụng số phù hợp.

- Từng bước hình thành cộng đồng số tại các thôn, khuyến khích người dân tham gia các nhóm thông tin cộng đồng, sử dụng các nền tảng số để tương tác, trao đổi thông tin và tiếp cận các dịch vụ thiết yếu; gắn phát triển công dân số với xây dựng đời sống văn hóa, nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ

Danh mục nhiệm vụ phát triển kinh tế số và xã hội số xã Hướng Hiệp giai đoạn 2026-2030: *tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.*

Trên đây là Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số xã Hướng Hiệp giai đoạn 2026-2030. Đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động triển khai, thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo về UBND xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) để xem xét, điều chỉnh phù hợp. /

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Công an xã;
- Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn xã;
- Tổ công nghệ số cộng đồng các thôn;
- Lưu: VT, PVHXXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đạt

PHỤ LỤC**Danh mục nhiệm vụ phát triển kinh tế số và xã hội số xã Hướng Hiệp giai đoạn 2026 - 2030***(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND xã Hướng Hiệp)*

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
1	Thường xuyên rà soát, cập nhật, chuẩn hóa và bổ sung các cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của xã theo quy định	Các cơ quan, đơn vị thuộc xã		Thường xuyên
2	Tăng cường khai thác, sử dụng hiệu quả các nền tảng số, danh mục dữ liệu mở và hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, quản lý, chỉ đạo điều hành và phát triển kinh tế - xã hội	Các cơ quan, đơn vị thuộc xã		Thường xuyên
3	Thường xuyên tổ chức phổ cập kỹ năng số cho CBCCVC, người lao động, các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh và người dân trên địa bàn xã	Phòng VH-XH	Các sở, ban ngành cấp tỉnh; các cơ quan, đơn vị liên quan; các thôn	Hàng năm
4	Tuyên truyền, phổ biến, triển khai quy chế văn hóa số cộng đồng trên địa bàn xã; kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy tắc ứng xử trên môi trường số của CBCCVC	Phòng VH-XH	Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã	2026-2030
5	Phát triển hạ tầng số toàn diện đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G và các thế hệ tiếp theo. Các nền tảng số dùng chung phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn xã	Văn phòng HĐND và UBND xã; các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030
6	Triển khai Đề án Nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh	Phòng VH-XH	Công an xã; các sở, ban ngành cấp tỉnh; các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030

7	Xây dựng, triển khai kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số	Công an xã	Phòng VH-XH; Các doanh nghiệp viễn thông, ngân hàng; Tổ CNSCĐ&ĐA06 các thôn	Hàng năm
8	Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 các thôn: Thường xuyên rà soát bổ sung, kiện toàn thành viên; tập huấn trang bị kiến thức và kỹ năng số để các Tổ CNSCĐ&ĐA06 các thôn thực sự là cánh tay nối dài của chính quyền số	Phòng VH-XH; Công an xã	Tổ CNSCĐ&ĐA06 các thôn; Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
9	Triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, Hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp	Phòng Kinh tế	Các sở, ban ngành cấp tỉnh; các cơ quan, đơn vị liên quan	2026 - 2030
10	Triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số	Phòng Kinh tế	Các sở, ban ngành cấp tỉnh; các doanh nghiệp viễn thông; các cơ quan, đơn vị liên quan	2026 - 2030
11	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ số cho người dân, doanh nghiệp	Các cơ quan, đơn vị thuộc xã	Phòng VH-XH; Các doanh nghiệp viễn thông; Tổ công nghệ số cộng đồng các thôn	2026 - 2030
12	Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Bình dân học vụ số” nhằm phổ cập tri thức và kỹ năng số xây dựng nền tảng vững chắc cho một xã hội số, kinh tế số và công dân số	Phòng VH-XH	Công an xã; Tổ công nghệ số cộng đồng các thôn	2026-2030
13	Đảm bảo an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình phát triển kinh tế số và xã hội số	Văn phòng HĐND - UBND xã; Công an xã	Các cơ quan, đơn vị; CBCCVC, người dân, doanh nghiệp	2026-2030